

Tổng quát môn giải phẫu là khái quát về cơ thể con người.

Module GIẢI PHẪU ĐẠI CƯƠNG

1. Giải phẫu học là môn học nghiên cứu về các vấn đề sau, ngoại trừ:

- A. Cấu tạo của cơ thể
- B. Liên quan giữa các cơ quan trong cơ thể
- C. Liên quan giữa cơ thể với môi trường
- D. Sự biến đổi của cơ thể khi bị bệnh

2. Ngày nay, phương tiện tốt nhất để học Giải phẫu là:

- A. Xác
- B. Phần mềm vi tính
- C. Phim video
- D. Mô hình

3. Mặt phẳng đứng dọc giữa

- A. Song song với mặt phẳng trán
- B. Chia cơ thể thành hai phần trước và sau
- C. Chia cơ thể thành hai phần phải và trái
- D. Chia cơ thể thành hai nửa phải và trái tương đương

4. Trong giải phẫu, để xác định vị trí “trong – ngoài” ta căn cứ vào

- A. Mặt phẳng ngang
- B. Mặt phẳng đứng ngang
- C. Mặt phẳng đứng dọc
- D. Mặt phẳng đứng dọc giữa

5. Mặt phẳng đứng ngang là mặt phẳng

- A. Chia cơ thể thành hai phần trước và sau
- B. Chia cơ thể thành hai phần trên và dưới
- C. Song song với mặt phẳng đứng dọc
- D. Song song với mặt phẳng ngang

6. Đặc điểm nào sau đây không đúng với mặt phẳng ngang?

- A. Thẳng góc với mặt phẳng đứng dọc
- B. Song song với mặt đất
- C. Song song với mặt phẳng đứng ngang
- D. Chia cơ thể thành hai phần trên và dưới

TRẮC NGHIỆM GIẢI PHẪU HỌC

7. Đặc điểm nào sau đây không đúng với mặt phẳng đứng dọc giữa?
- A. Đi qua đường giữa cơ thể
 - B. Thẳng góc với mặt phẳng đứng ngang
 - C. Chia cơ thể thành hai nửa phải và trái
 - D. Có nhiều mặt phẳng đứng dọc giữa song song nhau
8. Động tác nào sau đây đưa một chi ra xa đường giữa cơ thể?
- A. Sấp
 - B. Ngửa
 - C. Dạng
 - D. Khép
9. Người đưa ra quan điểm học Giải phẫu cần phải mô xác người là ai?
- A. Hippocrates
 - B. Andreas Vesalius
 - C. Henry Gray
 - D. Frank Netter
10. Trong một bài Giải phẫu, người ta mô tả các lớp cơ từ nông vào sâu và mô tả mạch máu, thần kinh đi trong các lớp cơ này. Đây là cách mô tả của?
- A. Giải phẫu học hệ thống
 - B. Giải phẫu học định khu
 - C. Giải phẫu học cắt ngang
 - D. Giải phẫu học lâm sàng
11. Tên gọi “hàm trên, hàm dưới” trong giải phẫu là dựa vào?
- A. Mặt phẳng ngang
 - B. Mặt phẳng đứng ngang
 - C. Mặt phẳng đứng dọc
 - D. Mặt phẳng đứng dọc giữa
12. Mặt phẳng trán là cách gọi khác của mặt phẳng nào?
- A. Mặt phẳng ngang
 - B. Mặt phẳng đứng ngang
 - C. Mặt phẳng đứng dọc
 - D. Mặt phẳng đứng dọc giữa
13. Khi mô tả vị trí của hai xương cẳng tay, người ta nói rằng xương trụ ở trong xương quay. Điều này dựa vào mặt phẳng nào?
- A. Mặt phẳng ngang
 - B. Mặt phẳng đứng ngang

- C. Mặt phẳng đứng dọc**
- D. Mặt phẳng đứng dọc giữa**
- 14.** Trên một hình vẽ giải phẫu cho thấy tim ở giữa, hai bên là phổi phải và phổi trái. Vậy hình vẽ này dựa trên mặt cắt nào sau đây?
- A. Mặt cắt ngang hoặc mặt cắt đứng dọc**
 - B. Mặt cắt ngang hoặc mặt cắt đứng dọc giữa**
 - C. Mặt cắt ngang hoặc mặt cắt đứng ngang**
 - D. Mặt cắt đứng ngang hoặc mặt cắt đứng dọc giữa**
- 15.** Mặt gan tay còn được gọi là mặt trước của bàn tay. Người ta gọi như vậy là dựa vào mặt phẳng nào?
- A. Mặt phẳng ngang**
 - B. Mặt phẳng đứng ngang**
 - C. Mặt phẳng đứng dọc**
 - D. Mặt phẳng đứng dọc giữa**
- 16.** Trong các mức độ tổ chức của cơ thể, cá thể là mức độ tổ chức cao nhất. Điểm đặc trưng của cá thể là gì?
- A. Tự trao đổi chất với sụn?**
 - B. Tự hô hấp được**
 - C. Hoạt động độc lập với cá thể khác**
 - D. Được hình thành từ nhiều hệ cơ quan**
- 17.** Đơn vị sống nhỏ nhất của cơ thể là gì?
- A. Cá thể**
 - B. Tế bào**
 - C. Phân tử**
 - D. Bào quan**
- 18.** Tên gọi “cơ gấp ngón cái dài” được đặt dựa vào
- A. Chức năng của cơ**
 - B. Hình dạng của cơ**
 - C. Chức năng và vị trí của cơ**
 - D. Chức năng và hình dạng của cơ**
- 19.** Tên gọi “cơ răng sau trên” là dựa vào?
- A. Chức năng của cơ**
 - B. Hình dạng của cơ**
 - C. Hình dạng và vị trí của cơ**
 - D. Chức năng và vị trí của cơ**

TRẮC NGHIỆM GIẢI PHẪU HỌC

20. Trên thiết đồ cắt ngang, ta có thể xác định mối liên quan nào sau đây giữa hai cấu trúc?
- A. Trước – sau và trong – ngoài
 - B. Trên – dưới và trước – sau
 - C. Trên – dưới
 - D. Trong – ngoài
21. Trên thiết đồ cắt đứng ngang, ta có thể xác định mối liên quan nào sau đây giữa hai cấu trúc?
- A. Trước – sau và trong – ngoài
 - B. Trên – dưới và trong – ngoài
 - C. Trên – dưới
 - D. Trong – ngoài
22. Chức năng nào sau đây không phải là chức năng của xương?
- A. Bảo vệ
 - B. Dự trữ khoáng chất
 - C. Điều hòa huyết áp
 - D. Tạo máu
23. Xương nào sau đây thuộc nhóm xương phụ?
- A. Xương vai
 - B. Xương ức
 - C. Xương sườn
 - D. Xương móng
24. Về hình dạng, xương nào sau đây thuộc nhóm xương dẹt?
- A. Các xương ở cổ tay
 - B. Xương sườn
 - C. Xương bàn chân
 - D. Xương ngón chân
25. Xương nào sau đây có vai trò làm giảm lực ma sát của các gân cơ?
- A. Xương bàn
 - B. Xương đốt ngón
 - C. Xương vùng
 - D. Xương phụ
26. Vị trí nào sau đây là nơi tập trung nhiều mô xương đặc?
- A. Bờ các xương dẹt
 - B. Trung tâm các xương dẹt
 - C. Đầu các xương dài

21. Sụn **D. Thân các xương dài**
27. Đặc tính nào sau đây không thuộc về xương xốp?
A. Tập trung ở xương dẹt, đầu xương dài
B. Tủy của xương xốp là loại tủy đỏ
C. Không hiện diện ở thân xương dài
D. Có vai trò hấp thu lực tác động lên xương
28. Nhìn chung, vị trí nào sau đây thường là nơi bám của các gân cơ?
A. Chỏm
B. Lồi cầu
C. Mào
D. Mỏm trên lồi cầu
29. Hình dạng của diện khớp phù hợp với
A. Cấu tạo của khớp
B. Cử động của khớp
C. Vị trí của khớp
D. Kích thước của khớp
30. Đặc tính nào sau đây đúng với sụn?
A. Không có màng sụn
B. Không có mạch máu riêng
C. Dễ lành sau chấn thương
D. Thành phần chủ yếu là sợi collagen
31. Sụn chun hiện diện ở cấu trúc nào sau đây?
A. Khí quản
B. Loa tai
C. Đĩa gian đốt sống
D. Chỏm xương đùi
32. Ở thân xương dài, thành phần chính của vỏ xương là?
A. Mô xương đặc
B. Mô xương xốp
C. Màng xương
D. Tổ chức sợi
33. Trên xương dài, hành xương là vùng ở vị trí nào sau đây?
A. Trên bề mặt đầu xương
B. Giữa đầu xương và sụn khớp
C. Mặt trong ống tủy
D. Giữa đầu xương và thân xương

TRẮC NGHIỆM GIẢI PHẦU HỌC

34. Sẹo sụn tiếp hợp hình thành do

- A. Sự liền chỗ gãy ở đầu xương
- B. Sự liền chỗ gãy ở sụn khớp
- C. Sự hóa xương của sụn tiếp hợp
- D. Sự hóa xương của sụn khớp

35. Sẹo sụn tiếp hợp xuất hiện thời điểm nào?

- A. Sau gãy xương đã lành
- B. Sau bong sụn khớp đã lành
- C. Khi đến tuổi dậy thì
- D. Khi đến tuổi trưởng thành

36. Sụn khớp là loại sụn nào?

- A. Sụn trơn
- B. Sụn chun
- C. Sụn xơ
- D. Sụn tiếp hợp

37. Ở người trưởng thành, thành phần chủ yếu của tủy xương trong ống tủy là gì?

- A. Tế bào máu
- B. Chất khoáng
- C. Mỡ
- D. Tế bào tạo xương

38. Đặc tính nào sau đây không đúng với màng xương ngoài của xương dài?

- A. Phù hồi hết trên bề mặt xương
- B. Không có mạch máu
- C. Có chức năng giúp xương gãy mau lành
- D. Còn là nơi bám của gân cơ, dây chằng

39. Hiện tượng nào sau đây xảy ra trước nhất trong quá trình liền xương?

- A. Hình thành các bê xương xốp
- B. Hình thành các sợi collagen
- C. Chảy máu và hình thành khối máu tụ
- D. Hấp thụ các tế bào chết vùng xương gãy

40. Phần ngoài của vỏ xương được cấp máu bởi động mạch nào?

- A. Động mạch màng xương ngoài
- B. Động mạch nuôi xương
- C. Động mạch hành xương
- D. Động mạch đầu xương

41. Sụn tiếp hợp là lớp sụn là lớp sụn trong nằm ở đâu?
- Đầu các xương dài, nơi khớp với các xương khác
 - Hành xương dài, nơi tiếp giáp giữa đầu xương và thân xương
 - Dưới màng ngoài xương của thân xương dài
 - Trên bề mặt của ống tủy của thân xương dài
42. Loại khớp nào sau đây hiện diện nhiều nhất trong cơ thể?
- Khớp hoạt dịch
 - Khớp dây chằng
 - Khớp sụn
 - Khối màng gian cốt
43. Khớp nào sau đây không có khả năng cử động?
- Khớp dây chằng
 - Khớp đường ráp
 - Khớp sụn
 - Khớp hoạt dịch
44. Chọn lựa nào sau đây phù hợp nhất đối với khớp giữa các xương cổ tay?
- Khớp động
 - Khớp xoay
 - Khớp sụn
 - Khớp yên ngựa
45. Chọn lựa nào sau đây phù hợp nhất đối với khớp giữa xương thuyền và đầu dưới xương quay?
- Khớp xoay
 - Khớp sụn
 - Khớp sợi
 - Khớp lồi cầu
46. Chọn lựa nào sau đây phù hợp nhất đối với khớp giữa xương thang và xương bàn I ở bàn tay?
- Khớp phẳng
 - Khớp xoay
 - Khớp yên ngựa
 - Khớp bán động
47. Chọn lựa nào sau đây phù hợp nhất đối với khớp mu?
- Khớp động
 - Khớp xoay
 - Khớp sụn sợi
 - Khớp sợi

TRẮC NGHIỆM GIẢI PHẪU HỌC

48. Chọn lựa nào sau đây phù hợp nhất đối với khớp chày mạc dưới?

- A. Khớp bất động
- B. Khớp xoay
- C. Khớp sụn
- D. Khớp dạng dây chằng

49. Chọn lựa nào sau đây phù hợp nhất đối với khớp giữa thân của các đốt sống?

- A. Khớp động
- B. Khớp xoay
- C. Khớp sụn sợi
- D. Khớp sợi

50. Chọn lựa nào sau đây phù hợp nhất đối với khớp giữa xương trụ và xương cánh tay?

- A. Khớp xoay
- B. Khớp sụn sợi
- C. Khớp bàn lề
- D. Khớp lồi cầu

51. Nơi nào sau đây là vị trí có nhiều cơ trơn?

- A. Thành bụng
- B. Gan tay
- C. Ông tiêu hóa
- D. Môi và lưỡi

52. Cơ ở vùng nào sau đây thường được chi phối bởi nhiều dây thần kinh?

- A. Cơ ở mặt
- B. Cơ chi trên
- C. Cơ chi dưới
- D. Cơ thành bụng

53. Mạc treo gân có bản chất là gì?

- A. Mạc sâu
- B. Mạc nông
- C. Bao sợi của gân
- D. Bao hoạt dịch của gân

54. Vách gian cơ là một cấu trúc thuộc?

- A. Mạc nông
- B. Mạc bọc cơ
- C. Mạc sâu
- D. Mạc hoạt dịch

55. Tên gọi *cơ răng trước* dựa vào đâu?
- Vị trí của cơ
 - Chức năng của cơ
 - Hình dạng của cơ
 - Hình dạng và vị trí
56. Cơ nào sau đây được đặt tên dựa theo hình dạng và chức năng?
- Cơ nhị đầu cánh tay
 - Cơ răng sau trên
 - Cơ duỗi ngón trỏ
 - Cơ gấp ngón cái ngắn
57. Dựa vào sự phân bố mạch máu, cơ vân xếp thành mấy dạng?
- 3 dạng
 - 4 dạng
 - 5 dạng
 - 6 dạng
58. Thông thường, bó mạch thần kinh cho cơ gồm những thành phần nào?
- 1 động mạch, 1 tĩnh mạch, 2 thần kinh
 - 1 động mạch, 2 tĩnh mạch, 1 thần kinh
 - 2 động mạch, 1 tĩnh mạch, 2 thần kinh
 - 2 động mạch, 2 tĩnh mạch, 1 thần kinh
59. Sự phân bố thần kinh cho cơ phụ thuộc vào
- Vị trí của cơ
 - Hình dạng của cơ
 - Chức năng của cơ
 - Cấu trúc của cơ
60. Cấu trúc nào sau đây nằm giữa cơ và lớp mỡ dưới da
- Mạc nồng
 - Mạc sâu
 - Vách gian cơ
 - Mạc bọc cơ
61. Một vết thương gây rách da và cơ, cấu trúc còn nguyên vẹn nếu có sẽ là
- Mạc nồng
 - Mỡ dưới da
 - Vách gian cơ
 - Mạc bọc cơ
 - Căn mạc

TRẮC NGHIỆM GIẢI PHẪU HỌC

62. Sự khác biệt giữa thành động mạch và thành tĩnh mạch chủ yếu là

- A. Cấu trúc của lớp ngoài
- B. Cấu trúc của lớp giữa
- C. Cấu trúc của lớp trong
- D. Cấu trúc của lớp ngoài và lớp trong

63. Lớp mô liên kết hiện diện ở lớp nào của động mạch?

- A. Lớp ngoài
- B. Lớp giữa
- C. Lớp trong
- D. Lớp ngoài và lớp trong

64. Lớp cơ trơn hiện diện ở lớp nào của động mạch?

- A. Lớp ngoài
- B. Lớp giữa
- C. Lớp trong
- D. Lớp ngoài và lớp trong

65. Khi ở tư thế đứng, yếu tố nào sau đây giúp máu tĩnh mạch từ chi dưới đổ về tim?

- A. Trương lực cơ chi dưới
- B. Trọng lực của cơ thể
- C. Sức hút của tim
- D. Áp lực âm của ổ bụng

66. Khi lấy máu xét nghiệm, nơi nào sau đây có nồng độ CO₂ trong máu thấp nhất?

- A. Tĩnh mạch
- B. Tiêu tĩnh mạch
- C. Mao mạch
- D. Mạch bạch huyết

67. Cơ quan nào sau đây chứa mao mạch dạng xoang, có các hố chứa máu?

- A. Ruột
- B. Tim
- C. Não
- D. Gan

68. Mạch nào sau đây đổ vào giòng mao mạch?

- A. Động mạch đòn hồi
- B. Động mạch vào cơ quan
- C. Tiêu động mạch nhỏ nhất
- D. Tiêu tĩnh mạch nhỏ nhất

69. Mao mạch dạng xuyên thấu được tìm thấy nhiều nhất ở

- A. Cơ
- B. Gan
- C. Ruột non
- D. Dạ dày

70. Tiêu động mạch được hình thành là do

- A. Các động mạch hợp nhất lại
- B. Các mao mạch hợp nhất lại
- C. Các tĩnh mạch hợp nhất lại
- D. Các động mạch phân chia nhỏ ra

71. Shunt động mạch tồn tại ở vị trí nào sau đây?

- A. Mao mạch gan
- B. Mao mạch lách
- C. Mao mạch ruột
- D. Mao mạch cầu thận

72. Khi bị viêm, nhiễm trùng tại mô, cơ thể sẽ đáp ứng bằng cách

- A. Tiêu cầu tập trung ở mao mạch
- B. Tiêu cầu tập trung ở tiêu tĩnh mạch
- C. Bạch cầu tập trung ở tiêu tĩnh mạch
- D. Bạch cầu tập trung ở tiêu động mạch

73. Một cấu trúc có bản chất là mô liên kết đặc, tổ chức sợi sắp xếp theo từng lớp chạy theo các hướng khác nhau, đó là

- A. Mạc nồng
- B. Bao
- C. Mạc sâu
- D. Tổ chức dưới da

74. Lớp biểu mô lót mặt trong của ống tiêu hóa, đường hô hấp được gọi là

- A. Lớp niêm mạc
- B. Lớp thanh mạc
- C. Lớp dưới thanh mạc
- D. Lớp bao xơ

75. Nam thanh niên 21 tuổi có một vết rách ở một dài xơ bao quanh cơ cánh tay phải. Cấu trúc nào sau đây bị tổn thương trong trường hợp này?

- A. Mạc
- B. Bao gân
- C. Cân mạc

TRẮC NGHIỆM GIẢI PHẦU HỌC

- D. Dây chằng
76. Các màng được cấu tạo bởi
- A. Lớp tế bào biểu mô
 - B. Các mô liên kết
 - C. Tissue dưới da
 - D. Tế bào biểu mô và mô liên kết
77. Niêm mạc có đặc điểm sau đây, ngoại trừ
- A. Không lót các đường thông với bên ngoài
 - B. Ngăn cản các tác nhân gây bệnh
 - C. Thực hiện chức năng hấp thu
 - D. Có chức năng bài tiết
78. Cấu trúc lỏng lẻo của niêm mạc, nối biểu mô với các cấu trúc bên dưới, nâng đỡ các mạch máu và thần kinh được gọi là:
- A. Lớp riêng
 - B. Lá riêng
 - C. Cơ riêng
 - D. Mạc riêng
79. Bệnh nhân nam được chẩn đoán bướu phổi phải, trên phim chụp cắt lớp của ngực, hình ảnh khối bướu nằm ở
- A. Bên trên
 - B. Bên dưới
 - C. Bên phải
 - D. Bên trái
80. Mạc nối lớn không có đặc điểm nào sau đây?
- A. Dự trữ năng lượng
 - B. Cách nhiệt
 - C. Bảo vệ
 - D. Có thể bị xoắn
81. Mặt ngoài của dạ dày được bao bọc bởi
- A. Niêm mạc
 - B. Thanh mạc
 - C. Phúc mạc thành
 - D. Lá riêng
82. Bên trong đường hô hấp được lót bởi
- A. Thanh mạc
 - B. Trung bì

- C. Niêm mạc
- D. Nội bì

83. Màng nào sau đây không là màng thanh mạc?

- A. Phúc mạc thành
- B. Màng ngoài tim
- C. Màng trong tim
- D. Màng phổi thành

84. Mạc phát triển từ

- A. Trung mô
- B. Ngoại mô
- C. Nội mô
- D. Các khoang cơ thể

85. Các mô liên kết phát triển từ

- A. Ngoại bì
- B. Trung bì
- C. Nội bì
- D. Ngoại bì và trung bì

86. Điều nào sau đây không đúng với thượng bì?

- A. Có thần kinh chi phổi
- B. Có nhiều mạch máu
- C. Lót ở hầu hết ống tiêu hóa
- D. Có thể biệt hóa thành thượng bì tuyến

87. Cấu trúc nào sau đây thuộc mô liên kết?

- A. Mô lỏng lẻo
- B. Mô mỡ
- C. Mô lưới
- D. Cả ba loại trên

88. Màng thanh mạc nào sau đây không có lớp thượng bì?

- A. Màng phổi
- B. Màng tim
- C. Phúc mạc
- D. Màng hoạt mạc

89. Mô bạch huyết liên kết niêm mạc (MALT) của ống tiêu hóa liên kết với

- A. Lớp niêm mạc
- B. Lá riêng của niêm mạc
- C. Lớp dưới niêm mạc
- D. Lớp thanh mạc

TRẮC NGHIỆM GIẢI PHẪU HỌC

90. Lớp mô tìm thấy ở bề mặt một cơ quan là

- A. Biểu mô
- B. Mô liên kết
- C. Mô cơ
- D. Mô thần kinh

91. Mô làm dạ dày co thắt để tiêu hóa thức ăn là

- A. Mô biểu mô
- B. Mô liên kết
- C. Mô cơ
- D. Mô thần kinh

92. Mô có chức năng nâng đỡ hoặc vận chuyển trong cơ thể là

- A. Mô biểu mô
- B. Mô liên kết
- C. Mô cơ
- D. Mô thần kinh

93. Hai hệ cơ quan điều tiết chức năng của cơ thể bằng xung động thần kinh và kích thích tố (hormone) là:

- A. Hệ xương và hệ cơ
- B. Hệ tiêu hóa và hệ tiết niệu
- C. Hệ thần kinh và hệ nội tiết
- D. Hệ tuần hoàn và hệ tiết niệu

94. Hai hệ cơ quan bảo vệ cơ thể chống tác nhân gây bệnh là

- A. Da và hệ bạch huyết
- B. Hệ xương và hệ tuần hoàn
- C. Hệ tiêu hóa và hệ tiết niệu
- D. Hệ cơ và hệ nội tiết

95. Cấu trúc nào sau đây không phải là tổ chức cơ quan?

- A. Động mạch
- B. Gan
- C. Máu
- D. Thận

96. Tuyến nào sau đây là tuyến ngoại tiết?

- A. Tuyến nước bọt
- B. Tuyến giáp
- C. Tuyến yên
- D. Tuyến thượng thận

97. Loại biểu mô bề mặt có thể thay đổi hình dạng từ tròn đến dẹt là

- A. Biểu mô vuông
- B. Biểu mô trụ
- C. Biểu mô lát tầng
- D. Biểu mô chuyển tiếp

98. Loại cơ vận động tự ý là

- A. Cơ tim
- B. Cơ trơn
- C. Cơ nội tạng
- D. Cơ vân

99. Màng thanh mạc bao bọc xoang ngực là

- A. Màng phổi tặng
- B. Phúc mạc
- C. Màng phổi thành
- D. Mạc treo

100. Lớp mô vững chắc tạo nên gân và dây chằng là

- A. Mô cơ vân
- B. Mô liên kết xơ
- C. Mô xương
- D. Mô liên kết chun

101. Cơ tạo ra nhu động ruột là

- A. Cơ bám xương
- B. Cơ vận động tự ý
- C. Cơ vân
- D. Cơ trơn

102. Câu nào sau sai khi nói về tuyến?

- A. Tuyến nội tiết không có ống tuyến
- B. Chất tiết của tuyến nội tiết là kích thích tố (hormone)
- C. Kích thích tố của tuyến nội tiết đi vào mao mạch
- D. Tuyến giáp là một tuyến ngoại tiết